|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  **TỈNH LONG AN**  Số: /2020/NQ-HĐND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Long An, ngày tháng năm 2020* |

|  |
| --- |
| **DỰ THẢO**  **06/6/2020** |

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư**

**vào nông nghiệp, nông thôn sử dụng nguồn vốn ngân sách**

**địa phương trên địa bàn tỉnh Long An**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

**KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 20**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;*

# *Căn cứ Thông tư số 04/2018/TT-BKHĐT ngày ngày 06/12/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;*

# *Căn cứ Quyết định số 1203/QĐ-TTg ngày 18/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết ban hành chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Long An; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Long An (có chính sách đính kèm).

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 3.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban, Tổ Đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Long An Khóa IX, kỳ họp thứ ..... thông qua ngày…tháng… năm 2020, có hiệu lực từ ngày…tháng…năm 2020 và thay thế Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 18/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ tín dụng khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Long An./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - UBTVQH, Chính phủ; - VP Quốc hội; VP Chính phủ; - Bộ NN và PTNT, Bộ Tài chính, Bộ KH&ĐT; - Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp; - TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;  - UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh; - Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Long An; - Đại biểu HĐND tỉnh Khóa IX; - Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; - TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;  - Cổng Thông tin điện tử tỉnh; - Đài PT-TH tỉnh, Báo Long An; - Trung tâm Công báo tỉnh;  - Ngân hàng thương mại;  - Chi cục VT, LT tỉnh;  - Trang TTĐT HĐND tỉnh; - Lưu: VT, HS kỳ họp. | **CHỦ TỊCH** |

|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  **TỈNH LONG AN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**CHÍNH SÁCH**

**Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Long An**

*(đính kèm Nghị quyết số /2020/NQ-HĐND ngày .../.../2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An)*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

- Quy định cơ chế chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Long An

**2. Đối tượng áp dụng**

a) Doanh nghiệp được thành lập, đăng ký, hoạt động theo Luật doanh nghiệp và có dự án đầu tư thuộc danh mục quy định tại Điều 2 Nghị quyết này.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách ưu đãi và hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

**Điều 2. Danh mục các loại cây trồng, vật nuôi được hưởng các cơ chế, chính sách**

- Dự án trồng trọt, chăn nuôi thuộc danh mục các sản phẩm chủ lực của tỉnh bao gồm: Cây lúa, cây rau, cây thanh long, cây chanh, con gà, con vịt, con heo, bò thịt và con tôm.

- Dự án bảo quản, chế biến (kể cả giết mổ), tiêu thụ sản phẩm, phát triển thương hiệu đối với các nông sản thuộc danh mục các sản phẩm chủ lực của tỉnh.

**Điều 3. Nguyên tắc áp dụng**

- Trong cùng một thời gian, nếu dự án đầu tư được hưởng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư có các mức ưu đãi, hỗ trợ khác nhau thì doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi, hỗ trợ đầu tư có lợi nhất.

- Doanh nghiệp tự bỏ vốn, huy động vốn để thực hiện dự án đầu tư vào ngành, nghề ưu đãi đầu tư trong nông nghiệp, nông thôn. Nhà nước hỗ trợ sau đầu tư theo mức hỗ trợ quy định tại Điều 5 Nghị quyết này.

- Các nội dung về hỗ trợ, ưu đãi đầu tư không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 Chính phủ, Thông tư số 04/2018/TT-BKHĐT ngày ngày 06/12/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

**Điều 4. Hỗ trợ tín dụng**

Doanh nghiệp có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn được ngân sách địa phương hỗ trợ lãi suất vay thương mại sau khi dự án hoàn thành như sau:

**1. Mức hỗ trợ:** Bằng chênh lệch lãi suất vay thương mại so với lãi suất tín dụng nhà nước ưu đãi đầu tư tính trên số dư nợ thực tế tại thời điểm xem xét hồ sơ hỗ trợ.

**2. Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất:** Tối đa không quá 70% tổng mức đầu tư của dự án.

**3. Thời gian hỗ trợ lãi suất tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại:**

- Tối đa 08 năm đối với dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư; tối đa 06 năm đối với dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư; tối đa 05 năm đối với dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư. Trường hợp dự án của doanh nghiệp nông nghiệp vừa và nhỏ mới thành lập thì thời gian hỗ trợ lãi suất là 08 năm.

- Dự án mà doanh nghiệp tham gia liên kết chuỗi giá trị thì được áp dụng hỗ trợ lãi suất theo chu kỳ sản xuất của sản phẩm.

**4. Phương thức hỗ trợ:**

- Ngân sách tỉnh cấp trực tiếp cho doanh nghiệp chênh lệch lãi suất vay mà doanh nghiệp được hỗ trợ và được thực hiện theo hồ sơ thanh toán thực tế giữa doanh nghiệp với ngân hàng thương mại trên cơ sở hợp đồng đã ký.

- Không thực hiện cấp bù chênh lệch lãi suất đối với các khoản vay (gốc và lãi) quá hạn tính từ thời điểm quá hạn.

**Điều 5. Các chính sách hỗ trợ**

**1. Hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao**

a) Hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, mua bản quyền công nghệ, mua công nghệ hoặc mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để tạo ra sản phẩm mới, cải tiến công nghệ, công nghệ giảm thiểu ô nhiễm môi trường, công nghệ tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu, tiết kiệm năng lượng:

- Mức hỗ trợ: 80% kinh phí thực hiện, nhưng không quá 150 triệu đồng/đề tài/bản quyền/công nghệ. (theo quy định là 300 triệu)

- Điều kiện hỗ trợ

+ Doanh nghiệp có doanh thu năm trước tối thiểu bằng 10 lần mức hỗ trợ.

+ Các bản quyền, công nghệ doanh nghiệp đề xuất mua phải phù hợp với định hướng phát triển sản xuất của doanh nghiệp đã đăng ký.

+ Trường hợp đề tài nghiên cứu khoa học được ứng dụng trong thực tế thì được thanh toán bằng mức hỗ trợ; trường hợp không được áp dụng trong thực tế thì được thanh toán bằng 50% mức hỗ trợ.

b) Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm phục vụ áp dụng công nghệ mới, công nghệ cao, sản xuất sản phẩm mới:

- Ưu tiên doanh nghiệp tham gia, chủ trì các dự án, nhiệm vụ (sau đây gọi là dự án) khoa học công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

+ Doanh nghiệp được mời tham gia phối hợp thực hiện các nội dung của dự án khoa học công nghệ hoặc xây dựng mô hình thuộc nhiệm vụ khoa học công nghệ triển khai tại địa phương doanh nghiệp đăng ký kinh doanh;

+ Đề xuất đặt hàng dự án của doanh nghiệp được xem xét ưu tiên phê duyệt triển khai thực hiện theo hình thức xét chọn hoặc giao trực tiếp;

+ Doanh nghiệp có nguồn gen quý hiếm được ưu tiên thực hiện dự án quỹ gen cấp quốc gia để phát triển thành sản phẩm thương mại.

- Mức hỗ trợ: 70% kinh phí thực hiện nhiệm vụ đối với dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư và 50% kinh phí đối với dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư và dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư nhưng không quá 500 triệu đồng. (theo quy định là 01 tỷ đồng)

- Điều kiện hỗ trợ

+ Dự án sản xuất sản phẩm thử nghiệm, sản phẩm công nghệ cao, sản phẩm mới có văn bản thống nhất của cơ quan quản lý khoa học thuộc cấp bộ hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

+ Nhiệm vụ đề xuất hỗ trợ có nội dung phù hợp với định hướng phát triển sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

c) Doanh nghiệp có dự án nhân giống cây trồng bằng công nghệ nuôi cấy mô được hỗ trợ như sau:

- Mức hỗ trợ 80% kinh phí đầu tư để xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết bị và xử lý môi trường, nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/dự án. (theo quy định là 05 tỷ)

- Điều kiện hỗ trợ: Quy mô từ 01 triệu cây/năm trở lên. Trường hợp quy mô dự án tăng thì mức hỗ trợ tăng tương ứng nhưng không quá 05 tỷ đồng/dự án. (theo quy định là 10 tỷ)

d) Doanh nghiệp có dự án sản xuất giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản, trồng thử nghiệm cây trồng mới có giá trị kinh tế cao được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt được hỗ trợ 70% chi phí để xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết bị và xử lý môi trường, cây giống nhưng không quá 1,5 tỷ đồng/dự án. (theo quy định là 03 tỷ)

đ) Doanh nghiệp đầu tư các khu, vùng, dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được hỗ trợ tối đa 150 triệu đồng/ha để xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết bị và xử lý môi trường. (theo quy định là 300 triệu)

**2. Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, phát triển thị trường**

a) Doanh nghiệp có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, ưu đãi đầu tư và khuyến khích đầu tư được ngân sách nhà nước hỗ trợ như sau:

- Hỗ trợ cho doanh nghiệp trực tiếp đào tạo nghề cho lao động với mức hỗ trợ 01 triệu đồng/tháng/lao động, thời gian hỗ trợ 03 tháng. (theo quy định là 02 triệu)

Trường hợp doanh nghiệp tham gia liên kết chuỗi giá trị được hỗ trợ kinh phí tổ chức đào tạo và hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân, mức hỗ trợ 250 ngàn đồng/nông dân tham gia liên kết được đào tạo. Thời gian hỗ trợ là 03 tháng. (theo quy định là 500 ngàn)

- Hỗ trợ 25% chi phí quảng cáo, xây dựng thương hiệu sản phẩm chủ lực quốc gia và cấp tỉnh; 25% kinh phí tham gia triển lãm hội chợ trong nước, ngoài nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt. (theo quy định là 50%)

b) Các khoản hỗ trợ nêu tại Khoản 2 Điều này được thực hiện theo dự án đầu tư. Tổng các khoản hỗ trợ cho một dự án tối đa không quá 10% tổng mức đầu tư dự án và không quá 500 triệu đồng. (theo quy định là 01 tỷ)

c) Hỗ trợ một doanh nghiệp xây dựng và quản lý một trang thông tin điện tử “Chợ nông sản quốc gia”.

- Điều kiện hỗ trợ:

+ Doanh nghiệp có ít nhất 05 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực thương mại điện tử và có tài sản đảm bảo tối thiểu 10 tỷ đồng.

+ Trang thông tin điện tử “Chợ nông sản quốc gia” được xây dựng ít nhất bằng 03 ngôn ngữ (tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Trung) và cam kết duy trì hoạt động tối thiểu 10 năm. Thông tin sản phẩm của các doanh nghiệp được duy trì ít nhất 03 năm.

+ Nhà nước bắt đầu hỗ trợ khi có tối thiểu 500 doanh nghiệp đã đăng sản phẩm lên trang thông tin điện tử.

- Mức hỗ trợ: Nhà nước hỗ trợ cho doanh nghiệp có trang thông tin điện tử quốc gia là 05 triệu đồng/doanh nghiệp có sản phẩm đã đăng lên trang thông tin điện tử quốc gia. Tổng mức hỗ trợ không quá 2,5 tỷ đồng. (theo quy định là 5 tỷ)

- Trường hợp có từ 02 doanh nghiệp trở lên cùng muốn tham gia xây dựng trang thông tin điện tử giao dịch nông sản quốc gia thì việc lựa chọn thông qua hình thức đấu thầu.

d) Doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn được quyền chủ động thu mua nguyên liệu nông sản từ nuôi, trồng để đưa vào bảo quản chế biến theo tiêu chuẩn của doanh nghiệp.

Nông sản từ nuôi, trồng được tự do lưu thông trên thị trường, cơ quan nhà nước không được có các thủ tục hành chính về xác nhận nguồn gốc nguyên liệu và các thủ tục hành chính khác gây khó khăn cho việc khai thác, vận chuyển, tiêu thụ, xuất khẩu nông sản, trừ trường hợp liên quan đến an ninh quốc gia và dịch bệnh nguy hiểm tới sức khỏe cộng đồng được quy định tại Luật chuyên ngành.

**3. Hỗ trợ đầu tư cơ sở: Bảo quản, chế biến nông sản; giết mổ gia súc, gia cầm; chế tạo thiết bị, linh kiện, máy nông nghiệp; sản xuất sản phẩm phụ trợ**

a) Doanh nghiệp có dự án đầu tư cơ sở chế biến nông sản; cơ sở giết mổ; cơ sở chế tạo thiết bị, linh kiện, máy nông nghiệp; cơ sở sản xuất sản phẩm phụ trợ được ngân sách nhà nước hỗ trợ như sau:

- Hỗ trợ cơ sở chế biến nông sản, cơ sở giết mổ gia súc gia cầm: 60% kinh phí đầu tư và không quá 7,5 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, nhà xưởng và mua thiết bị trong hàng rào dự án. (theo quy định là 15 tỷ)

- Hỗ trợ cơ sở sản xuất nhà máy cơ khí chế tạo thiết bị, linh kiện, máy nông nghiệp và nhà máy sản xuất sản phẩm phụ trợ: 60% kinh phí đầu tư và không quá 2,5 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, nhà xưởng và mua thiết bị trong hàng rào dự án. (theo quy định là 05 tỷ)

- Các dự án đầu tư chế biến nông sản phải bảo đảm các điều kiện giá trị sản phẩm sau chế biến tăng ít nhất 1,5 lần so với giá trị nguyên liệu thô ban đầu.

b) Hỗ trợ bảo quản nông sản

Doanh nghiệp có dự án đầu tư cơ sở bảo quản nông sản (gồm sấy, chiếu xạ, khử trùng, đông lạnh, bảo quản sinh học) được ngân sách nhà nước hỗ trợ như sau:

- Mức hỗ trợ 70% chi phí đầu tư nhưng không quá 01 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về giao thông, điện, nước, xử lý chất thải, nhà xưởng và mua thiết bị. (theo quy định là 02 tỷ)

- Điều kiện hỗ trợ:

- Công suất cơ sở sấy phải đạt tối thiểu 100 tấn sản phẩm/ngày; sấy phụ phẩm thủy sản đạt tối thiểu 50 tấn sản phẩm/ngày.

- Bảo quản rau, hoa quả tươi đạt 1.000 tấn kho; bảo quản lưu trữ giống cây trồng đạt công suất 100 tấn kho.

**4. Hỗ trợ đầu tư cơ sở chăn nuôi bò thịt, heo thịt, gà, vịt, tôm**

Doanh nghiệp có dự án đầu tư cơ sở chăn nuôi bò thịt, heo thịt, gà vịt được ngân sách nhà nước hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ 2,5 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, nhà xưởng và mua thiết bị đối với dự án chăn nuôi bò thịt, heo thịt, nuôi tôm. Nếu doanh nghiệp nhập bò giống cao sản để nuôi trực tiếp hoặc liên kết nuôi với hộ gia đình thì được hỗ trợ bổ sung là 10 triệu đồng/con.

b) Hỗ trợ 01 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, nhà xưởng và mua thiết bị đối với dự án chăn nuôi gà, vịt.

c) Điều kiện hỗ trợ:

- Cơ sở chăn nuôi phải đạt quy mô tối thiểu 300 đơn vị vật nuôi/năm

- Dự án phải đạt tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp được quy định tại Quyết định số 34/2019/QĐ-TTg ngày 18/12/2019 về quy định tiêu chí xác định dự án, phương án sản xuất kinh doanh ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp và bổ sung Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 66/2014/QĐ-TTg ngày 25/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

**Điều 6. Nguồn vốn hỗ trợ**

Nguồn vốn thực hiện chính sách bao gồm ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách tỉnh; vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án và ngân sách tỉnh, cụ thể:

1. Ngân sách Trung ương hỗ trợ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, ngành có liên quan.

2. Ngân sách tỉnh dành tối thiểu 5% vốn chi ngân sách tỉnh hàng năm cho ngành nông nghiệp (bao gồm khoản chi đầu tư xây dựng cơ bản cho các chương trình, dự án do tỉnh quản lý và chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị ở tỉnh được phân cấp trực tiếp trong các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn; xây dựng nông thôn mới và hoạt động phát triển nông thôn khác) để hỗ trợ doanh nghiệp theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ khả năng cân đối vốn, nhu cầu hỗ trợ của doanh nghiệp, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tổng mức vốn thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP trong dự toán ngân sách hàng năm của tỉnh.